

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN NHÀ BÈ

**QUY CHẾ
GIÁM SÁT TÀI CHÍNH,
ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG
VÀ CÔNG KHAI THÔNG TIN TÀI CHÍNH**

(Ban hành theo Quyết định số 12/QĐ-HĐTV-CTY ngày 23/12/2014
của Hội đồng thành viên Công ty TNHH một thành viên
Dịch vụ công ích huyện Nhà Bè)

Tháng 12 năm 2014

Số: 12 /QĐ-HĐTV-CTY

Nhà Bè, ngày 23 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của Công ty

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN NHÀ BÈ

Căn cứ Nghị định số 25/2010/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về chuyển đổi Công ty Nhà nước thành Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Nghị định số 61/2013/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 158/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 13 tháng 11 năm 2013 về hướng dẫn một số nội dung về giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2771/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2010 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi Công ty dịch vụ công ích Nhà Bè thành Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ công ích huyện Nhà Bè;

Căn cứ Điều lệ Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ công ích huyện Nhà Bè;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thành viên số 32./BB-CTY ngày 23 tháng 12 năm 2014 về việc thông qua Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của Công ty.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành “Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của Công ty” kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban Giám đốc, các ông (bà) Trưởng phòng, ban, đội, toàn thể cán bộ, công nhân viên và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Hội đồng thành viên thay b/c”;
- Kiểm soát viên;
- Lưu: VT.



QUY CHẾ

GIÁM SÁT TÀI CHÍNH VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ CÔNG KHAI THÔNG TIN TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 12 /QĐ-HĐTV-CTY ngày 23 tháng 12 năm 2014
của Hội đồng thành viên)*

Chương 1.

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của Công ty.

Điều 2. Mục đích giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính

1. Đánh giá đúng thực trạng, hiệu quả hoạt động của Công ty, kịp thời giúp Công ty khắc phục tồn tại, hoàn thành mục tiêu, kế hoạch kinh doanh, nhiệm vụ công ích, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh và khả năng cạnh tranh.
2. Nâng cao trách nhiệm của Công ty trong việc chấp hành các quy định của pháp luật trong quản lý và sử dụng vốn, tài sản nhà nước.
3. Giúp nhà nước, chủ sở hữu vốn đầu tư vào Công ty khác, cơ quan quản lý nhà nước về tài chính Công ty, kịp thời phát hiện các yếu kém trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty để có cảnh báo và đề ra biện pháp chấn chỉnh kịp thời.
4. Thực hiện việc công khai minh bạch hóa tình hình tài chính của Công ty.

Điều 3. Các từ ngữ trong Quy chế này được hiểu như sau

1. Giám sát tài chính là việc theo dõi, kiểm tra, thanh tra, đánh giá các vấn đề về tài chính, chấp hành chính sách pháp luật về tài chính của Công ty.
2. Báo cáo giám sát tài chính là báo cáo phân tích, đánh giá, cảnh báo các vấn đề về tài chính của Công ty. Báo cáo do Kiểm soát viên của Công ty lập.

3. Báo cáo kết quả giám sát tài chính là báo cáo tổng hợp kết quả công tác giám sát tài chính của Công ty. Báo cáo do chủ sở hữu lập.
4. Tiêu chí đánh giá là hệ thống các chỉ tiêu, chuẩn mực dùng để xác định hiệu quả hoạt động và phân loại Công ty một cách toàn diện, khách quan.
5. Chủ sở hữu là cơ quan, tổ chức được phân công, phân cấp thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với Công ty.
6. Cơ quan quản lý nhà nước về tài chính là Sở Tài chính.
7. Giám sát gián tiếp là việc theo dõi và kiểm tra tình hình của Công ty thông qua các báo cáo tài chính, thống kê và báo cáo khác theo quy định của pháp luật và của chủ sở hữu.
8. Giám sát trực tiếp là việc kiểm tra, thanh tra trực tiếp tại Công ty.
9. Giám sát trước là việc xem xét, kiểm tra tính khả thi các kế hoạch ngắn hạn, dài hạn, dự án đầu tư, phương án huy động vốn và các dự án phương án khác của Công ty.
10. Giám sát trong là việc theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các kế hoạch, dự án của Công ty, việc chấp hành các quy định của pháp luật của chủ sở hữu trong suốt quá trình triển khai kế hoạch, dự án.
11. Giám sát sau là việc kiểm tra kết quả hoạt động của Công ty trên cơ sở các báo cáo định kỳ, kết quả chấp hành pháp luật của chủ sở hữu hoặc điều lệ Công ty, việc tuân thủ các quy định của pháp luật.
12. Viên chức quản lý Công ty là Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc, kế toán trưởng.
13. Giám sát tài chính đặc biệt là quy trình giám sát đối với các doanh nghiệp có dấu hiệu mất an toàn về tài chính cần phải được các cơ quan có thẩm quyền theo dõi và chấn chỉnh.

Chương 2.

GIÁM SÁT TÀI CHÍNH VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐỐI

VỚI DOANH NGHIỆP DO NHÀ NƯỚC LÀM CHỦ SỞ HỮU

MỤC 1. GIÁM SÁT TÀI CHÍNH

Điều 4. Chủ thể giám sát

1. Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh với tư cách là chủ sở hữu thực hiện giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh đối với Công ty.

2. Cơ quan quản lý tài chính Công ty:

Sở Tài chính thành phố là đầu mối giúp Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh thực hiện giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh và thực hiện nhiệm vụ công ích được giao và tình hình tài chính của công ty theo định kỳ 6 tháng, 1 năm. Tổng hợp báo cáo kết quả giám sát tài chính đối với các Công ty.

Điều 5. Nội dung giám sát

1. Giám sát việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại Công ty theo các nội dung sau:

- a) Hoạt động đầu tư tài sản tại Công ty (bao gồm danh mục dự án đầu tư, nguồn vốn huy động gắn với dự án đầu tư).
- b) Việc huy động vốn và sử dụng vốn huy động.
- c) Hoạt động đầu tư vốn ra ngoài Công ty bao gồm đầu tư trong nước, đầu tư ra nước ngoài, đầu tư vào các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bất động sản, chứng khoán (nếu có); hiệu quả việc đầu tư vốn ra ngoài Công ty.
- d) Việc quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả, khả năng thanh toán nợ của Công ty, hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu.

2. Giám sát bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.

3. Giám sát hoạt động kinh doanh của Công ty theo các nội dung sau:

- a) Hoạt động sản xuất; chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình và của các dự án; doanh thu hoạt động kinh doanh, dịch vụ; doanh thu hoạt động tài chính; thu nhập khác.

b) Kết quả hoạt động kinh doanh, tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE), tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA).

c) Phân tích về lưu chuyển tiền tệ của Công ty.

d) Việc thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

đ) Phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ.

4. Giám sát việc thực hiện các chính sách đối với người lao động trong Công ty, trong đó có các nội dung về chi phí tiền lương, thu nhập của người lao động, người quản lý điều hành Công ty.

Điều 6. Căn cứ thực hiện giám sát tài chính

Hoạt động giám sát tài chính Công ty được thực hiện theo các căn cứ sau:

1. Văn bản pháp luật về quản lý tài chính Công ty.
2. Điều lệ hoạt động và Quy chế quản lý tài chính của Công ty.
3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển hàng năm, tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty do cấp có thẩm quyền phê duyệt.
4. Báo cáo tài chính năm của Công ty đã được kiểm toán và được Hội đồng thành viên thông qua; báo cáo tài chính quý, báo cáo nghiệp vụ định kỳ và các báo cáo đột xuất khác theo yêu cầu của chủ sở hữu hoặc cơ quan quản lý nhà nước.
5. Kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán tại Công ty của các cơ quan chức năng.
6. Các thông tin, tài liệu có liên quan khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Phương thức giám sát tài chính

Cơ quan chủ sở hữu chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý tài chính Công ty thực hiện giám sát tài chính bằng việc kết hợp các phương thức giám sát trực tiếp, giám sát gián tiếp, giám sát trước, giám sát trong và giám sát sau. Trong đó đặc biệt coi trọng việc giám sát trước và giám sát trong nhằm phát hiện kịp thời các yếu tố tích cực, tiêu cực, hạn chế về tài chính và quản lý tài chính của Công ty để khuyến nghị, chỉ đạo, cảnh báo kịp thời cho Công ty.

Việc kiểm tra, thanh tra được thực hiện theo định kỳ hoặc đột xuất và phải tuân thủ theo quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra đối với Công ty.

Điều 8 Tổ chức giám sát

a) Lập và gửi kịp thời, đầy đủ, chính xác, đúng thời hạn các báo cáo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền và của chủ sở hữu để phục vụ cho việc giám sát tài chính. Tạo điều kiện thuận lợi nhất cho việc thực hiện giám sát trực tiếp tại Công ty.

b) Khi có cảnh báo của chủ sở hữu, của cơ quan quản lý tài chính Công ty về những nguy cơ trong tài chính, quản lý tài chính của Công ty phải xây dựng và thực hiện ngay các biện pháp để ngăn chặn, khắc phục các nguy cơ làm cho tình hình tài chính, công tác quản lý tài chính của Công ty tốt lên.

c) Thực hiện đầy đủ kịp thời các chỉ đạo, khuyến nghị của chủ sở hữu, của cơ quan quản lý tài chính Công ty trong các báo cáo giám sát. Trường hợp không thống nhất với các chỉ đạo, khuyến nghị đó, Công ty có quyền báo cáo ý kiến của mình với cơ quan đưa ra chỉ đạo, khuyến nghị. Khi chủ sở hữu, cơ quan quản lý tài chính Công ty đưa ra ý kiến cuối cùng thì Công ty có trách nhiệm phải thực hiện các ý kiến đó. Định kỳ hàng quý hoặc theo yêu cầu của cơ quan đưa ra chỉ đạo, khuyến nghị Công ty phải báo cáo với cơ quan này và chủ sở hữu kết quả thực hiện các chỉ đạo, khuyến nghị.

d) Tự tổ chức giám sát tài chính trong nội bộ Công ty. Hội đồng thành viên (Chủ tịch công ty) sử dụng bộ máy trong tổ chức của Công ty để thực hiện việc giám sát này. Định kỳ hàng quý hoặc theo yêu cầu của chủ sở hữu, Công ty phải báo cáo kết quả công tác giám sát tài chính nội bộ.

MỤC 2. GIÁM SÁT TÀI CHÍNH ĐẶC BIỆT

Điều 9. Các trường hợp giám sát tài chính đặc biệt

1. Công ty được đặt vào tình trạng giám sát tài chính đặc biệt nếu tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm hoặc qua công tác giám sát tài chính, kiểm toán phát hiện có tình hình tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kinh doanh thua lỗ, có hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu vượt quá mức an toàn theo quy định.

b) Có số lỗ phát sinh từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên hoặc số lỗ lũy kế lớn hơn 50% vốn chủ sở hữu.

c) Có hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn nhỏ hơn 0,5.

d) Báo cáo không đúng thực tế về tài chính, làm sai lệch lớn kết quả kinh doanh của Công ty.

Điều 10. Trách nhiệm của Hội đồng thành viên, Giám đốc trong trường hợp Công ty thuộc diện giám sát đặc biệt.

1. Lập phương án cơ cấu lại tổ chức, hoạt động kinh doanh và tài chính để trình chủ sở hữu trong thời gian 20 ngày kể từ khi có Quyết định giám sát đặc biệt.

2. Định kỳ hàng tháng, quý, năm báo cáo chủ sở hữu, cơ quan quản lý tài chính Công ty các chỉ tiêu sau:

a) Sản lượng, giá trị sản lượng sản phẩm, hàng hóa dịch vụ chủ yếu sản xuất trong kỳ.

b) Doanh thu hoạt động kinh doanh, thu nhập khác.

c) Chi phí hoạt động kinh doanh, hoạt động khác, chi phí tiền lương, khấu hao tài sản cố định, chi phí trả lãi vay, chi phí quản lý doanh nghiệp.

d) Lợi nhuận thực hiện và tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu (báo cáo quý, năm)

đ) Tình hình thu hồi nợ, huy động vốn và trả nợ.

e) Hiệu quả huy động, quản lý và sử dụng nguồn vốn đầu tư; nợ và khả năng thanh toán nợ.

g) Công tác quản lý, điều hành của Hội đồng thành viên, Ban Điều hành Công ty.

3. Thời hạn gửi các báo cáo quy định tại Khoản 2 Điều này thực hiện như sau: Đối với báo cáo tháng gửi trước ngày 05 của tháng tiếp theo; báo cáo quý gửi trước ngày 15 của tháng đầu của quý tiếp theo và báo cáo năm phải gửi trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo.

MỤC 3. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Điều 11. Căn cứ và các chỉ tiêu đánh giá Công ty

1. Căn cứ kết quả giám sát tài chính, quy chế quản lý tài chính; Công ty và chủ sở hữu thực hiện đánh giá hiệu quả hoạt động (gọi chung là báo cáo xếp loại doanh nghiệp).

2. Hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động của viên chức quản lý Công ty.

a) Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty:

- Chỉ tiêu 1. Doanh thu và thu nhập khác.

- Chỉ tiêu 2. Lợi nhuận thực hiện và tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu.

- Chỉ tiêu 3. Nợ phải trả quá hạn và khả năng thanh toán nợ đến hạn.

- Chỉ tiêu 4. Chấp hành chế độ, chính sách, pháp luật về thuế và các khoản thu nộp ngân sách khác, về tín dụng, ngân hàng, bảo hiểm, bảo vệ môi trường, về lao động, tiền lương, an sinh xã hội, về chế độ báo cáo tài chính và báo cáo để thực hiện giám sát tài chính.

- Chỉ tiêu 5. Tình hình thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích.

b) Các chỉ tiêu quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này được xác định và tính toán từ số liệu trong các báo cáo tài chính, báo cáo thống kê định kỳ theo quy định hiện hành.

Các chỉ tiêu 1, 2, 4 và chỉ tiêu 5 quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này khi tính toán được xem xét, loại trừ các yếu tố tác động:

- Do nguyên nhân khách quan bất khả kháng (như: Thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh).

- Do đầu tư mở rộng phát triển sản xuất theo quy hoạch, kế hoạch do cấp có thẩm quyền phê duyệt làm ảnh hưởng đến lợi nhuận trong hai năm đầu kể từ năm đưa công trình đầu tư vào sử dụng.

- Do Nhà nước điều chỉnh giá (đối với sản phẩm do nhà nước định giá) làm ảnh hưởng đến doanh thu của Công ty hoặc phải thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

c) Việc đánh giá kết quả hoạt động của viên chức quản lý Công ty theo các tiêu chí đánh giá do Chính phủ quy định và các chỉ tiêu tài chính sau:

- Mức độ hoàn thành chỉ tiêu nhà nước giao về tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu.

- Kết quả phân loại doanh nghiệp.

Điều 12. Nguyên tắc đánh giá và xếp loại doanh nghiệp, xếp loại kết quả hoạt động của viên chức quản lý doanh nghiệp

1. Việc đánh giá và xếp loại doanh nghiệp thực hiện theo các nguyên tắc sau:

a) Đánh giá và xếp loại doanh nghiệp thực hiện trên cơ sở so sánh giữa kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ được chủ sở hữu giao với kết quả thực hiện. Các chỉ tiêu, tiêu chí đánh giá, xếp loại phải quy định từ quý đầu tiên của năm kế hoạch và không được điều chỉnh trong năm thực hiện.

b) Việc đánh giá và xếp loại doanh nghiệp được căn cứ vào ngành nghề, hoạt động của doanh nghiệp và mục tiêu, nhiệm vụ của doanh nghiệp; căn cứ vào đặc thù hoạt động kinh doanh của từng doanh nghiệp (nếu có).

c) Kết quả đánh giá và xếp loại doanh nghiệp được phân loại: Doanh nghiệp xếp loại A, doanh nghiệp xếp loại B, doanh nghiệp xếp loại C.

Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể việc áp dụng các chỉ tiêu đánh giá và xếp loại doanh nghiệp quy định tại Khoản này.

2. Căn cứ các chỉ tiêu, nguyên tắc đánh giá và xếp loại doanh nghiệp, chủ sở hữu quy định các chỉ tiêu đánh giá, phân loại phù hợp với đặc thù hoạt động kinh doanh của từng doanh nghiệp. Các chỉ tiêu này phải quy định ngay từ quý đầu tiên của năm kế hoạch và không được điều chỉnh trong suốt thời kỳ thực hiện.

3. Căn cứ việc đánh giá kết quả hoạt động của viên chức quản lý doanh nghiệp, chủ sở hữu thực hiện đánh giá, phân loại viên chức quản lý doanh nghiệp theo các mức độ: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ, không hoàn thành nhiệm vụ để áp dụng chế độ khen thưởng và kỷ luật quy định.

Điều 13. Chế độ báo cáo đánh giá và xếp loại doanh nghiệp

Căn cứ các chỉ tiêu xếp loại doanh nghiệp theo quy định và các văn bản hướng dẫn của các Bộ quản lý ngành, Bộ Tài chính; hàng năm các doanh nghiệp tự thực hiện đánh giá và xếp loại; gửi báo cáo đánh giá, xếp loại cho các cơ quan theo quy định để thẩm định và công bố xếp loại cho doanh nghiệp.

MỤC 4. CHẾ ĐỘ KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 14. Mức khen thưởng đối với viên chức quản lý Công ty

1. Hàng năm căn cứ vào mức độ hoàn thành nhiệm vụ, viên chức quản lý Công ty được xét chi thưởng từ Quỹ thưởng viên chức quản lý Công ty như sau:

- a) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: Được thưởng tối đa 1,5 tháng lương thực hiện của viên chức quản lý Công ty.
- b) Hoàn thành nhiệm vụ: Được thưởng tối đa 1 tháng lương thực hiện của viên chức quản lý Công ty.
- c) Không hoàn thành nhiệm vụ: Không được chi thưởng.

2. Mức trích lập và sử dụng Quỹ thưởng viên chức quản lý Công ty, thẩm quyền quyết định mức thưởng cho viên chức quản lý Công ty thực hiện theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 15. Xử lý vi phạm và hình thức kỷ luật

Chủ sở hữu thực hiện các hình thức kỷ luật như khiển trách, cảnh cáo, hạ bậc lương, buộc thôi việc và quyết định mức lương và các lợi ích khác đối với viên chức quản lý Công ty nếu vi phạm các quy định sau:

- Không nộp, nộp không đầy đủ, không đúng hạn các báo cáo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền, của chủ sở hữu; nội dung báo cáo không trung thực, không đầy đủ; không thực hiện chế độ công khai thông tin tài chính đúng thời gian, đúng các nội dung quy định thì viên chức quản lý Công ty bị kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo tùy theo mức độ vi phạm.

- Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các ý kiến chỉ đạo, khuyến nghị, giải pháp của chủ sở hữu và cơ quan quản lý nhà nước về tài chính Công ty, để Công ty bị thua lỗ, mất vốn nhà nước, hoặc tình hình tài chính của Công ty lâm vào tình trạng khó khăn, công tác quản lý tài chính của Công ty yếu kém thì viên chức quản lý Công ty bị kỷ luật hạ bậc lương hoặc buộc thôi việc.

Chương 3.

GIÁM SÁT TÀI CHÍNH VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC NẴM GIỮ TRÊN 50% VỐN ĐIỀU LỆ VÀ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC NẴM GIỮ KHÔNG QUÁ 50% VỐN ĐIỀU LỆ

Điều 16. Chủ thể giám sát

Sở Tài chính thành phố là đầu mối giúp Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tổng hợp báo cáo giám sát Công ty.

Điều 17. Nội dung giám sát tài chính

1. Giám sát tình hình tài chính, chấp hành pháp luật và kết quả kinh doanh của Công ty.
2. Giám sát thực hiện dự án đầu tư, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty; tình hình huy động vốn của Công ty.
3. Giám sát việc quản lý, hiệu quả sử dụng, tình hình bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.
4. Giám sát việc phân phối lợi nhuận.

Điều 18. Quy trình giám sát

Việc giám sát thường xuyên theo các báo cáo định kỳ của Kiểm soát viên của Công ty. Trường hợp cần thiết, chủ sở hữu phối hợp với cơ quan quản lý tài chính doanh nghiệp tiến hành việc thanh tra theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty về việc chấp hành pháp luật về quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.

Điều 19. Chế độ báo cáo

Định kỳ hàng quý, năm, Kiểm soát viên của Công ty lập báo cáo giám sát tài chính theo các nội dung đã được quy định và gửi cho chủ sở hữu và cho cơ quan quản lý tài chính Công ty.

Báo cáo giám sát tài chính quý không gửi chậm quá ngày 15 của tháng đầu quý tiếp theo. Báo cáo giám sát tài chính hàng năm không gửi chậm quá ngày 31 tháng 01 năm tiếp theo.

Chương 4.

QUY ĐỊNH VỀ CÔNG KHAI THÔNG TIN TÀI CHÍNH

Điều 20. Đối tượng, phạm vi công khai thông tin tài chính

Công ty thực hiện công khai tài chính theo Quy chế này.

Điều 21. Mục đích và nguyên tắc công khai thông tin tài chính

1. Mục đích

a) Đảm bảo minh bạch, trung thực và khách quan tình hình tài chính của Công ty. Phát hiện kịp thời hành vi vi phạm chế độ quản lý tài chính, chế độ kế toán của Công ty.

b) Thực hiện quyền hạn và trách nhiệm của chủ sở hữu nhà nước, người lao động trong việc giám sát, kiểm tra và thực hiện quy chế dân chủ ở Công ty; thực hành tiết kiệm chống lãng phí, chống tham nhũng, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước.

c) Là căn cứ để các chủ nợ có thông tin để giám sát đánh giá khả năng thanh toán nợ của Công ty.

2. Nguyên tắc

a) Cơ sở để thực hiện công khai tài chính Công ty là báo cáo tài chính, báo cáo quản trị và báo cáo giám sát tài chính hàng năm của Công ty; báo cáo giám sát tài chính hàng năm của chủ sở hữu.

b) Nội dung công khai tài chính của Công ty phải phù hợp với yêu cầu của từng đối tượng nhận thông tin là cơ quan quản lý nhà nước, chủ sở hữu.

c) Công ty tổ chức thực hiện công khai tài chính chịu trách nhiệm tính đầy đủ, tính kịp thời, tính chính xác các thông tin tài chính; có nghĩa vụ giải trình các nội dung chất vấn của các đối tượng nhận thông tin theo quy định của pháp luật và quy định tại Quy chế này.

Điều 22. Nội dung công khai thông tin tài chính

1. Tình hình tài chính, hiệu quả sử dụng và bảo toàn vốn nhà nước tại Công ty.

2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

3. Việc trích, lập và sử dụng các quỹ của Công ty;

4. Các khoản đóng góp cho ngân sách nhà nước của Công ty;
5. Các khoản thu nhập và thu nhập bình quân của người lao động;
6. Tình hình quản trị công ty;
7. Tình hình tiền lương, thù lao, tiền thưởng và thu nhập bình quân hàng tháng năm trước liền kề của từng viên chức quản lý Công ty.

Điều 23. Tổ chức công khai thông tin

a) Công ty chịu trách nhiệm công bố đầy đủ, chính xác, trung thực và kịp thời các thông tin:

- Báo cáo tình hình hoạt động của Công ty.
- Báo cáo tài chính 6 tháng và báo cáo tài chính năm của Công ty.
- Chiến lược và kế hoạch phát triển dài hạn của Công ty.
- Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư hàng năm của Công ty.
- Kế hoạch sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp và kết quả thực hiện.
- Báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty.
- Tiền lương, tiền thưởng của Công ty.
- Điều lệ tổ chức và hoạt động, các quy chế khác (nếu có).

b) Phương tiện và hình thức công bố thông tin:

- Hình thức công bố thông tin gồm: văn bản và dữ liệu điện tử.
- Phương tiện công bố thông tin:

Trong vòng 05 ngày làm việc sau khi các nội dung thông tin được báo cáo và phê duyệt, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp có trách nhiệm gửi báo cáo công bố thông tin cho Sở Thông tin và Truyền thông.

Chương 5.

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Tổ chức thực hiện

Quy chế Giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính này quy định cụ thể về việc giám sát, đánh giá và công khai thông tin tài chính của Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích huyện Nhà Bè, việc tổ chức

thực hiện các quy định này phải dựa trên những quy định của pháp luật hiện hành và các quy chế khác của Công ty có liên quan.

Quy chế Giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích huyện Nhà Bè có hiệu lực kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng thành viên ký quyết định ban hành. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc cần bổ sung, sửa đổi, Giám đốc trình Hội đồng thành viên Công ty xem xét quyết định./.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN CÔNG TY

